

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Tờ trình số 1199 /TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Tên xã	Số xã Nông thôn mới				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Số xã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước năm 2021	Số xã điểm phần đầu đạt NTM giai đoạn 2021-2025	Số xã điểm phần đầu đạt NTM sau năm 2025	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
	TỔNG CỘNG					858.957	214.935	644.022	
	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHÂN BỐ THEO HỆ SỐ (Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022)					858.957	214.935	644.022	
I	Huyện thực hiện bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025					118.741	28.930	89.811	
1	Huyện NTM Châu Thành					76.551	14.465	62.086	
2	Huyện NTM Chợ Mới					42.190	14.465	27.725	
II	Huyện thực hiện tiêu chí cho các xã NTM và xã phần đầu NTM	103	56	30	17	740.216	186.005	554.211	
1	Thành phố Long Xuyên	2	2	0	0	1.449	1.449		
2	Thành phố Châu Đốc	2	2	0	0	1.449	1.449		
3	Thị xã Tân Châu	9	4	5	0	125.471	18.093	107.378	

TT	Tên xã	Số xã Nông thôn mới				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Số xã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước năm 2021	Số xã điểm phần đầu đạt NTM giai đoạn 2021-2025	Số xã điểm phần đầu đạt NTM sau năm 2025	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
4	Thị xã Tịnh Biên	5	1	2	2	22.771	15.195	7.576	
5	Huyện Thoại Sơn	14	14	0	0	10.141	10.141		
6	Huyện Châu Phú	11	6	4	1	126.800	22.435	104.365	
7	Huyện Chợ Mới	15	9	6	0	150.180	23.885	126.295	
8	Huyện Châu Thành	11	5	6	0	136.117	23.882	112.235	
9	Huyện Phú Tân	16	7	3	6	104.525	31.844	72.681	
10	Huyện Tri Tôn	7	4	2	1	10.857	10.857	0	
11	Huyện An Phú	11	2	2	7	50.456	26.775	23.681	